

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH XNK Vĩnh Hoàng.

- Người đại diện: Ông Hoàng Kim Thành. Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ liên hệ: Thôn 3, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Điện thoại: 098.329.5276.

- Quyết định số 15/QĐ-ĐTDA ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Công ty TNHH XNK Vĩnh Hoàng về việc phê duyệt dự án công trình khách sạn Vĩnh Hoàng.

- Giấy phép xây dựng số 2662/GPXD-SXD ngày 1 tháng 10 năm 2015 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH XNK Vĩnh Hoàng được phép xây dựng khách sạn Vĩnh Hoàng.

- Thông báo số 3086/SXD-QLXD ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Sở Xây dựng thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình Khách sạn Vĩnh Hoàng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26 tháng 3 năm 2021.

2. Tên cơ sở: Khách sạn Vĩnh Hoàng

- Địa điểm cơ sở: tổ dân phố 7, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 về việc phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án Khách sạn Vĩnh Hoàng của Công ty TNHH XNK Vĩnh Hoàng.

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 01/GP-STNMT ngày 0 tháng 1 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép Khách sạn Vĩnh Hoàng được xả thải vào nguồn nước.

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 102/GXN-UNND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Công văn số 230/Cty MT & PTĐT ngày 6 tháng 8 năm 2015 của Công ty TNHH MTV MT & PT đô thị Quảng Bình về việc thỏa thuận và cấp phép đấu nối hệ thống thoát nước Khách sạn Vĩnh Hoàng.

- Quy mô của cơ sở thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

* Vị trí địa lý: Khu đất xây dựng Khách sạn Vĩnh Hoàng thuộc địa phận tổ dân phố 7, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Khu đất các phía tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp đường Trương Pháp;
- + Phía Bắc giáp nhà dân dụng;
- + Phía Tây giáp nhà dân dụng;
- + Phía Nam giáp Khách sạn Mùng Thanh.

Khu vực cách sân bay Đồng Hới khoảng 4,5km về phía Đông Nam, cách cầu Nhật Lệ khoảng 1,5km về phía Bắc; cách UBND phường Hải Thành khoảng gần 1km về phía Đông; Tiếp giáp về phía Nam của dự án là Khách sạn Mùng Thanh; Xung quanh khu vực dự án trong phạm vi khoảng 100m có 01 trạm xá điều dưỡng Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Bình cách dự án 15m về phía Nam.

(Có bản vẽ tổng mặt bằng đi kèm theo phần phụ lục)

* Khái quát quy mô của cơ sở:

Quy mô công trình:

- Khối khách sạn: Cao 17 tầng, chiều cao công trình 53m; diện tích xây dựng các tầng 448,5m²; tổng diện tích sàn 7.624,5m².
- Khối massage: Cao 8 tầng (bao gồm cả tầng mái), chiều cao công trình 27m, tổng diện tích sàn 2472m².
- Nhà nghỉ nhân viên, bãi đỗ xe: nhà cao 4 tầng, chiều cao công trình 12,6m; tổng diện tích sàn là 349,2m².
- Nhà cầu nối giữa khối khách sạn và khối massage.

Khách sạn có quy mô 17 tầng + tầng bán hầm + tầng mái với các chức năng diện tích như sau:

Tầng hầm: 448,5 m²

+ Khu vực để xe	: 211,65 m ²
+ Khu vực thang bộ, thang máy	: 20,3 m ²
+ Phòng máy phát điện	: 36,02 m ²
+ Kho tổng	: 34,4 m ²
+ Bể tự hoại nổi	: 16,06 m ²
+ Phòng giặt là	: 59,34 m ²
+ Phòng máy bơm	: 11,73 m ²
+ Khu vực hành lang	: 22,35 m ²

Tầng 1: 448,5 m²

+ Sảnh chính + lễ tân	: 181,46 m ²
-----------------------	-------------------------

+ Khu vệ sinh	: 14,7 m ²
+ Khu vực thang bộ, thang máy	: 43,2 m ²
+ Phòng đệm	: 3,15 m ²
+ Kho hành lý	: 4,51 m ²
+ Kho	: 2,57 m ²
+ Khu văn phòng	: 42,73 m ²
+ Khu pha chế	: 5,16 m ²
+ Phòng bảo vệ	: 6,2 m ²
+ Khu thay đồ nhân viên	: 22,66 m ²
+ Khu vực hành lang	: 71,36 m ²
+ Khu vực tiền sảnh	: 21.51 m ²

Tầng 2: (Khối nhà hàng) 498,7 m²

+ Khối nhà hàng	: 204,17 m ²
+ Khu bếp	: 62,82 m ²
+ Kho bếp	: 30,46 m ²
+ Khu vệ sinh	: 14,81 m ²
+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 35,2 m ²
+ Khu vực hành lang	: 57,37 m ²
+ Kho	: 2,57 m ²
+ Phòng đệm	: 3,96 m ²

Tầng 3: (Khối hội trường) 504,1 m²

+ Khu hội trường	: 172,46 m ²
+ Khu Gym	: 57,95 m ²
+ Khu cafe giải lao	: 61,24 m ²
+ Khu vệ sinh	: 14,7 m ²
+ Phòng giám đốc	: 30,46 m ²
+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 35,24 m ²
+ Kho	: 2,56 m ²
+ Khu vực hành lang	: 98,0 m ²
+ Phòng đệm	: 3,96 m ²

Tầng 4 (Khối ngủ) 500 m²

+ Khối phòng ngủ	: 302,84 m ²
------------------	-------------------------

+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 34,79 m ²
+ Phòng đệm	: 3,96 m ²
+ Khu vực hành lang	: 64,77 m ²
+ Kho	: 2,56 m ²

Tầng 5: (Khối ngủ) 464,5 m²

+ Khối phòng ngủ	: 305,48 m ²
+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 34,79 m ²
+ Phòng đệm	: 3,96 m ²
+ Khu vực hành lang	: 64,77 m ²
+ Kho	: 2,47 m ²
+ Phần ban công	: 37,97 m ²

Tầng 6: (Khối ngủ) 465,2 m²

+ Khối phòng ngủ	: 304,09 m ²
+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 34,79 m ²
+ Phòng đệm	: 3,96 m ²
+ Khu vực hành lang	: 64,77 m ²
+ Kho	: 2,56 m ²

Tầng 7: (Khối ngủ) 465,75 m²

+ Khối phòng ngủ	: 304,93 m ²
+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 34,79 m ²
+ Phòng đệm	: 3,96 m ²
+ Khu vực hành lang	: 64,77 m ²
+ Kho	: 2,56 m ²

Tầng 8 - tầng 15: (Khối căn hộ) 465,75 m²

+ Khối phòng ngủ	: 306,82 m ²
+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 34,79 m ²
+ Phòng đệm	: 3,96 m ²
+ Khu vực hành lang	: 64,77 m ²
+ Kho	: 2,56 m ²

Tầng 16: (Khối căn hộ) 465,75 m²

+ Khối căn hộ	: 307,58 m ²
+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 34,79 m ²

+ Phòng đệm	: 3,96 m ²
+ Khu vực hành lang	: 64,77 m ²
+ Kho	: 2,56 m ²

Tầng 17: (Khối cafe - bar): 465,75 m²

+ Khu cafe – bar	: 276,34 m ²
+ Kho đồ uống – pha chế	: 30,46 m ²
+ Khu vệ sinh	: 14,7 m ²
+ Khu vực thang máy, thang bộ	: 34,79 m ²
+ Khu vực hành lang	: 63,16 m ²
+ Phòng đệm	: 3,96 m ²
+ Kho	: 2,56 m ²

(Có Bản vẽ mặt bằng tổng thể kèm theo phần phụ lục)

Khu massage đc thiết kế với qui mô và bố trí chức năng từng tầng như sau:

- Tầng 1:	312,05m²
+ Bãi đỗ xe nhân viên:	244 m ²
+ Khu vực thang bộ, thang máy:	30,96 m ²
+ Khu vực lễ tân:	24 m ²
+ Khu vực vệ sinh :	7,07 m ²
- Tầng 2:	342,9m²
+ 01 phòng nhân viên:	14,5 m ²
+ Khu vực vệ sinh:	29,7 m ²
+ Khu vực thang bộ, thang máy:	35,1 m ²
+ Kho: 11 m ²	
+ 04 phòng làm việc:	121 m ²
+ 05 phòng massage:	68,0 m ²
+ Khu vực hành lang:	44,22 m ²
+ Khu vực trồng cây:	9,1 m ²
- Tầng 3:	340,1m²
+ 01 phòng nhân viên:	14,5 m ²
+ 06 phòng ngủ:	122,5 m ²
+ 05 phòng massage:	68,0 m ²
+ Khu vực vệ sinh:	37 m ²

+ Khu vực thang bộ, thang máy:	35,1 m ²
+ Khu vực hành lang:	61,32 m ²
+ Khu vực trồng cây:	6,3 m ²
- Tầng 4:	341,25m²
+ 01 phòng nhân viên:	14,5 m ²
+ 06 phòng ngủ:	122,5 m ²
+ 06 phòng massage:	68,0 m ²
+ Khu vực vệ sinh:	37 m ²
+ Khu vực thang bộ, thang máy:	35,1 m ²
+ Khu vực hành lang:	61,32 m ²
+ Khu vực trồng cây:	7,45 m ²
- Tầng 5:	342,97m²
+ 01 phòng nhân viên:	14,5 m ²
+ 09 phòng ngủ:	175,7 m ²
+ Khu vực vệ sinh:	38,6 m ²
+ Khu vực thang bộ, thang máy:	35,1 m ²
+ Khu vực hành lang:	39,35 m ²
+ Khu vực trồng cây:	9,175 m ²
- Tầng 6:	342,3m²
+ 01 phòng nhân viên:	14,5 m ²
+ 09 phòng ngủ:	174,4 m ²
+ Khu vực vệ sinh:	38,6 m ²
+ Khu vực thang bộ, thang máy:	35,1 m ²
+ Khu vực hành lang:	39,35 m ²
+ Khu vực trồng cây:	8,5 m ²
- Tầng tum:	333,81m²
+ Khu vực thang bộ, thang máy:	21,42 m ²
+ Sân thượng:	312,39 m ²
- Tầng mái:	28,6m²

- Tổng số cán bộ nhân viên làm việc tại cơ sở 63 người.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

- Quy mô phòng: Khách sạn có tổng số 144 phòng (dự kiến số lượng khách tối đa là 300 người), khu dịch vụ nhà hàng hội thảo, cafe 200 chỗ.

- Khách sạn có quy mô 17 tầng + tầng bán hầm + tầng mái

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Đầu tư toàn bộ thiết bị, công nghệ hiện đại cho khách sạn để phục vụ hoạt động lưu trú của khách.

Công nghệ vận hành của cơ sở

- Với tính chất hoạt động của cơ sở là khách sạn phục vụ hoạt động lưu trú của du khách nên cơ sở đầu tư các trang thiết bị cho các phòng nghỉ lưu trú theo tiêu chuẩn 4 sao để phục vụ du khách.

- Hệ thống thu gom nước thải của khách sạn với tổng công suất xử lý 100m³/ngày đêm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Cung cấp phòng nghỉ với tiêu chuẩn 4 sao phục vụ nhu cầu lưu trú, tham quan, nghỉ mát của khách du lịch đến với Quảng Bình, nâng cao sản phẩm du lịch, dịch vụ của địa phương.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- Nguồn cấp nước: Dự án sử dụng nước máy trong khu vực dự án để hoạt động, thông qua các đường ống của hệ thống cấp nước sạch của thành phố Đồng Hới. Lượng nước sử dụng lớn nhất 301m³ theo hóa đơn tiền nước.

- Nguồn cấp điện:

+ Nguồn điện thành phố: Từ lưới điện hạ áp của thành phố cấp cho Trạm biến áp khô 630kVA của công trình đặt bên ngoài theo chỉ định của thành phố. Lượng điện sử dụng lớn nhất 16.017kWh theo hóa đơn.

+ Nguồn điện dự phòng: Lắp đặt 02 máy phát điện dự phòng đặt tại tầng hầm có công suất 320KVA và 350KVA(Động cơ Diezen). Có ống thoát khói ra ngoài, đường ống Bơm dầu, bồn chứa nhiên liệu .

- Nguồn thực phẩm cung cấp cho nhà hàng, khu ẩm thực: Được lấy tại các cơ sở chuyên cung cấp thực phẩm sạch và an toàn trên địa bàn thành phố Đồng Hới.

- Trong quá trình xử lý nước thải của khách sạn sử dụng hóa chất khử trùng (cloramin) được châm vào bồn lọc áp lực để khử trùng nước thải, 1 tháng sử dụng khoảng 30kg.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Việc đầu tư các dịch vụ phát triển du lịch tại các khu vực thành phố Đồng Hới là phù hợp mục tiêu phát triển của tỉnh, đồng thời giải quyết việc làm cho một số lao động địa phương.

Khu đất xây dựng khách sạn có vị trí tại khu trung tâm bãi tắm Nhật Lệ - Biển Nhật Lệ được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam công nhận là một trong 10 thắng cảnh du lịch biển hấp dẫn nhất Việt Nam ngày 15/11/2014. Đây là khu vực tập trung đông nhất các nhà hàng, khách sạn phục vụ nhu cầu du lịch và nghỉ dưỡng ngày càng cao của khách du lịch trong nước và quốc tế đến với biển Nhật Lệ nói riêng và Quảng Bình nói chung. Quy mô khách sạn 4 sao với vị trí đẹp, thuận lợi cho hoạt động di lịch, nghỉ dưỡng và thiết kế độc đáo, dự án sẽ góp phần trong việc cung cấp dịch vụ nghỉ dưỡng chất lượng cao, đồng thời tạo điểm nhấn và thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến với tuyến du lịch ven biển Nhật Lệ.

Các khu đất xây dựng của cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các công trình đã được cấp phép xây dựng.

Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2015 tại thời điểm đó phù hợp với quy hoạch của thành phố. Tuy nhiên, vào thời điểm này chưa có quy hoạch Môi trường, quy hoạch vùng nên không đánh giá được tính phù hợp. Cơ sở đã hoạt động ổn định lâu dài nên được đánh giá phù hợp với quy hoạch chung của thành phố.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Cơ sở đã được cấp phép xả thải tại Giấy phép số 01/GP-STNMT ngày 0 tháng 1 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép Khách sạn Vĩnh Hoàng được xả thải vào nguồn nước và từ đó đến nay không có thay đổi về vị trí xả thải nên được đánh giá phù hợp với khả năng chịu tải của sông Nhật Lệ.

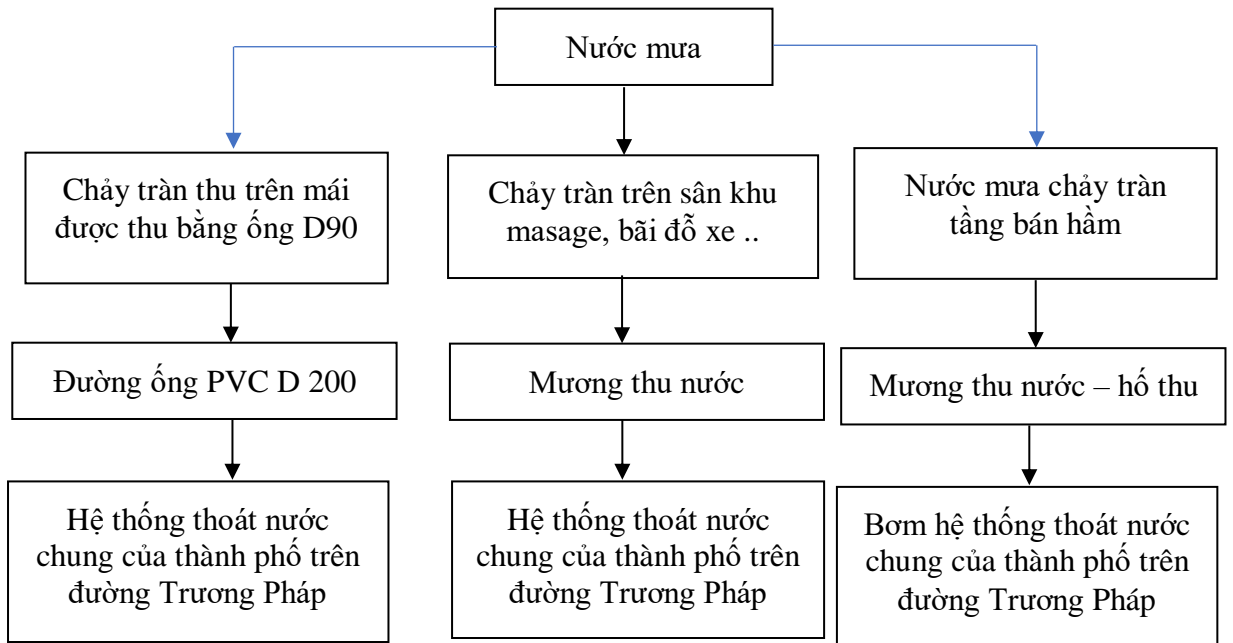
Mặt khác, tại thời điểm cơ sở đi vào hoạt động cho đến nay vẫn chưa có công bố nào về sức chịu tải môi trường đối với sông Nhật Lệ nên chưa có căn cứ cụ thể có tính pháp lý để đánh giá.

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

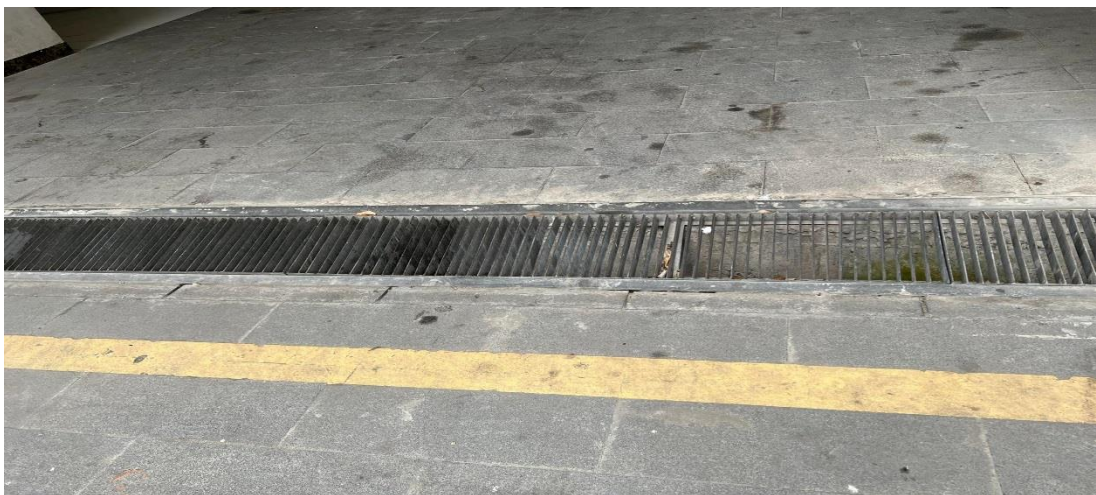
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hình 3.1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa:



Tại khu vực công trình nước mưa chảy tràn chủ yếu thu trên mái. Nước mưa trên mái được thu bằng hệ thống đường ống D90 để dẫn về hệ thống thoát nước chung trên đường Trương Pháp bằng đường ống PVC D200. Nước mưa chảy tràn trên sân, bãi đỗ xe, tầng bán hầm được thu bằng hệ thống mương dẫn đặt ngầm dưới đất kích thước (0,4x0,4x0,5m) sau đó được bơm ra hệ thống thoát nước mưa



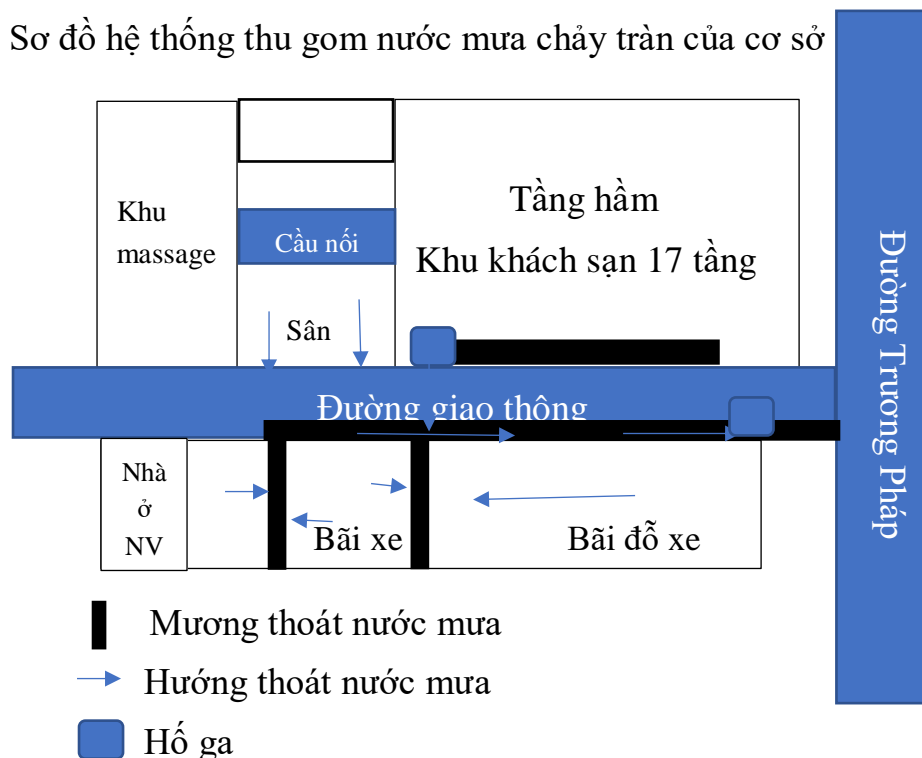
đặt dọc đường Trương Pháp.

Hệ thống thoát nước mưa ở bãi đỗ xe, hồ ga tự chảy theo mương dẫn đặt ngầm dưới đất kích thước (0,4x0,4x0,5m) sau đó được bơm ra hệ thống thoát nước mưa đặt dọc đường Trương Pháp.

Khách sạn bố trí nhân viên vệ sinh thường xuyên làm vệ sinh, nạo vét, khai thông các rãnh thoát nước không để nước ứ đọng. Vào mùa mưa, thường xuyên theo dõi hệ thống dẫn nước mưa, song chắn rác để vét bùn và rác ứ đọng.

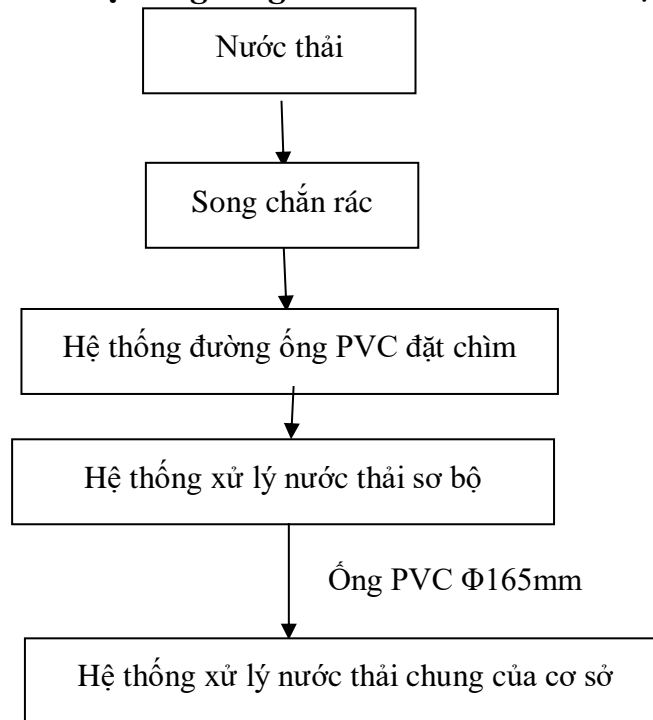
Với cách thiết kế và bố trí như trên, hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa này có khả năng đáp ứng tốt việc tiêu thoát nước mưa chảy tràn trên toàn bộ khuôn viên của cơ sở mà không gây ứ đọng, ngập úng cục bộ.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của cơ sở



1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Hình 1.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của khách sạn



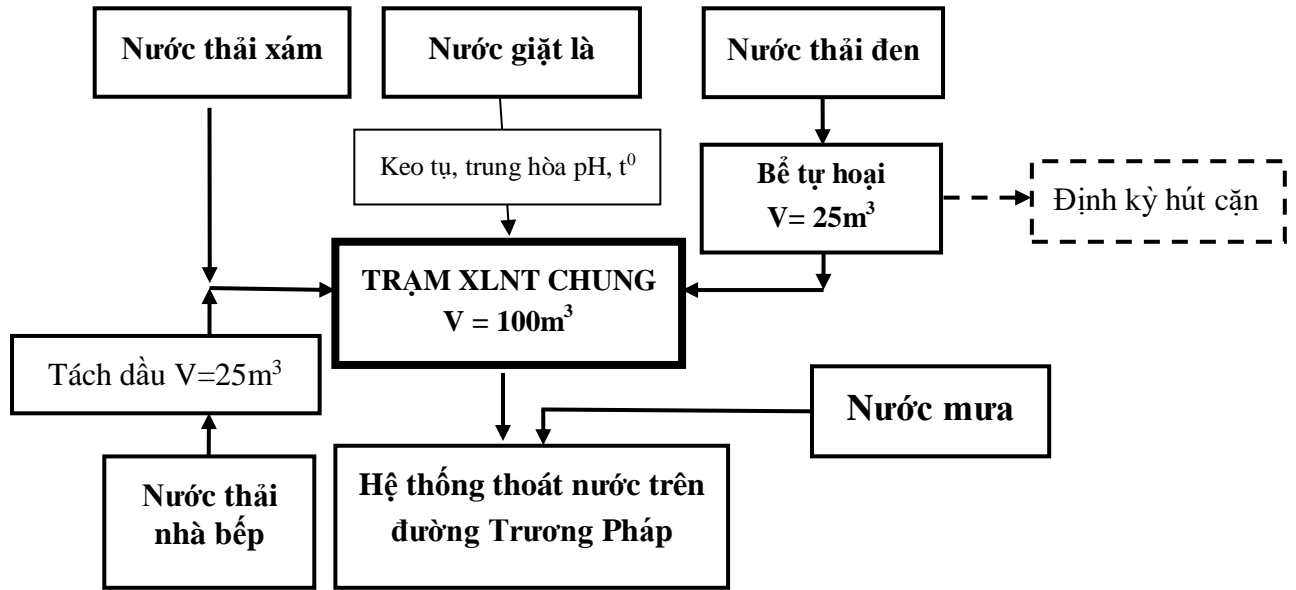
- Cách thức thu gom nước thải:

Các nguồn nước thải của khách sạn (giặt là, nước thải nhà bếp, nước thải xám) qua song chắn rác, rồi theo hệ thống đường ống PVC bố trí ngầm trong tường chạy về hệ thống xử lý nước thải của khách sạn.

- Các thông số thiết kế của hệ thống thu gom nước thải:

Hiện nay, Cơ sở đã được xây dựng hệ thống ống thu gom nước thải bằng đường ống PVC đạt tiêu chuẩn để tránh rò rỉ, rạn nứt. Các thông số thiết kế của hệ thống thu gom nước thải cụ thể là: Ống PVC với $\Phi = 90\text{mm} \div 165\text{mm}$

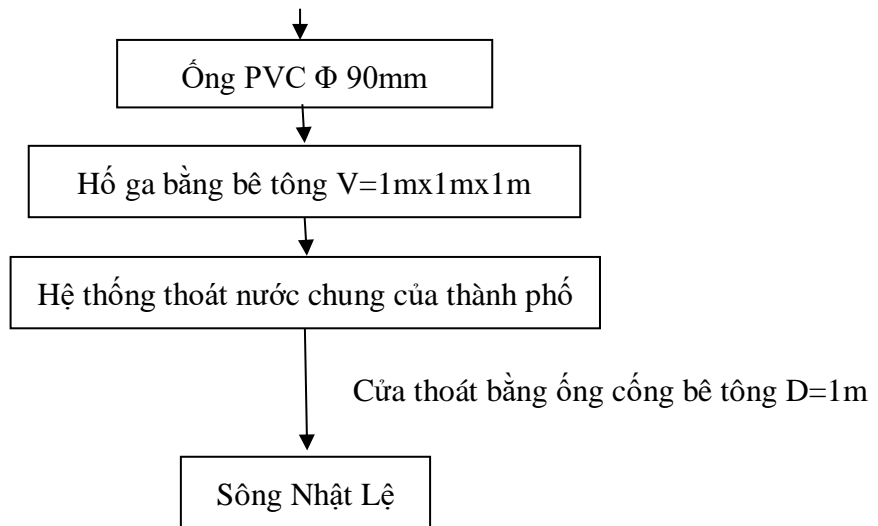
Nước thải tại khách sạn bao gồm nước thải giặt là, nước thải nhà bếp (tách dầu mỡ), nước thải sinh hoạt (nước thải đen và nước thải xám). Các loại nước thải này được xử lý sơ bộ trước khi vào hệ thống xử lý nước thải chung như sau:



Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước thải sơ bộ

* Công trình thoát nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý sơ bộ rồi đến hệ thống xử lý nước thải chung, đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – cột B, theo ống PVC có Φ 70mm chảy vào hố ga bằng bê tông có $V = 1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ bố trí phía Đông Bắc khách sạn. Từ hố ga nước thải theo ống PVC Φ 110mm đầu nối với hệ thống thoát nước chung của thành phố nằm trên đường Trương Pháp. Nước thải theo hệ thống thoát nước thải chung của khu vực chảy đến cửa xả thải cách khách sạn 200m về phía Đông Nam, rồi xả ra sông Nhật Lệ.

Sơ đồ hệ thống dẫn xả nước thải sau xử lý đến nguồn nước tiếp nhận

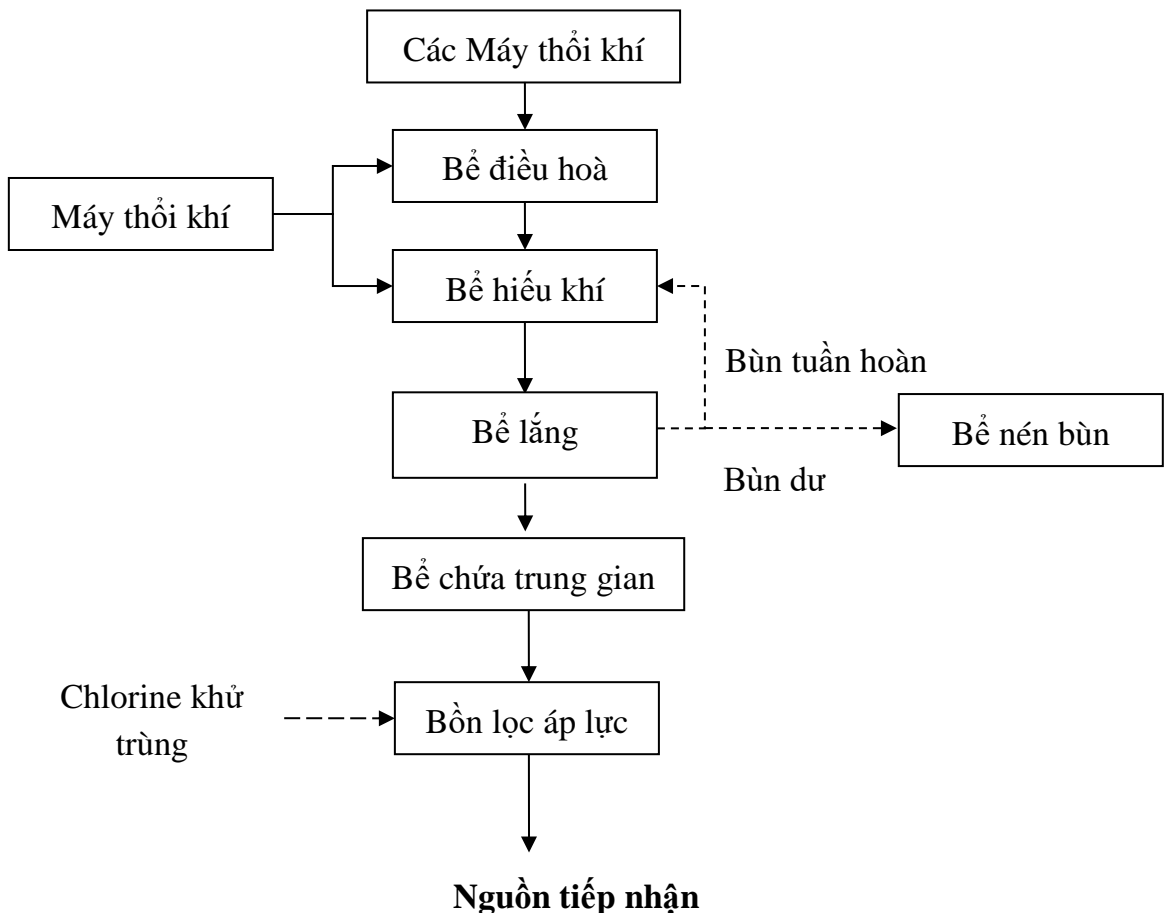


- Chế độ xả nước thải: 24h/ngày đêm.
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

* Điểm xả thải sau xử lý: tại hố ga gần sảnh ra vào của khách sạn có tọa độ $106^{\circ}38'41,4''$; $17^{\circ}28'15,1''$. Cửa xả thải bằng bê tông đặt dưới lòng đất có kích thước $D=1m$ cách khách sạn 200m về phía Đông Nam, rồi xả ra sông Nhật Lệ.

1.3. Xử lý nước thải:

Công suất HTXLNT $100m^3$ /ngày đêm.



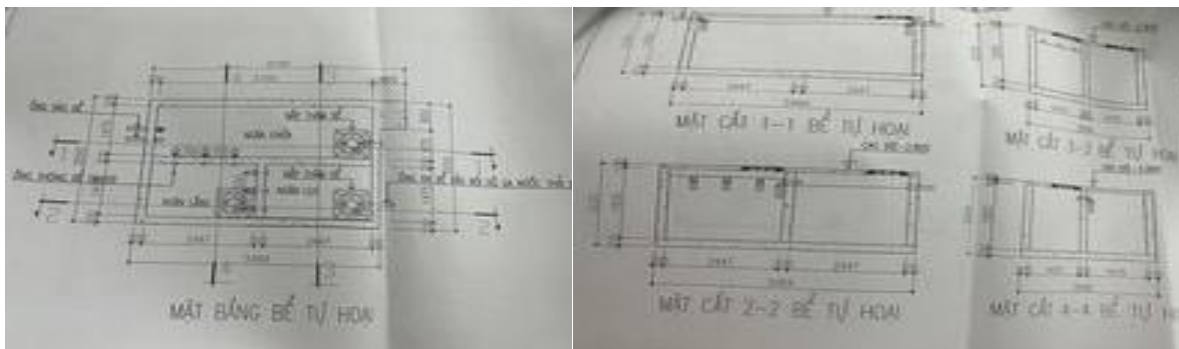
(Giới hạn QCVN 14: 2008/BTNMT, Cột B)

Nước thải từ các khu chức năng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, bể trung hòa trước khi dẫn về hệ thống xử lý tập trung của khách sạn.

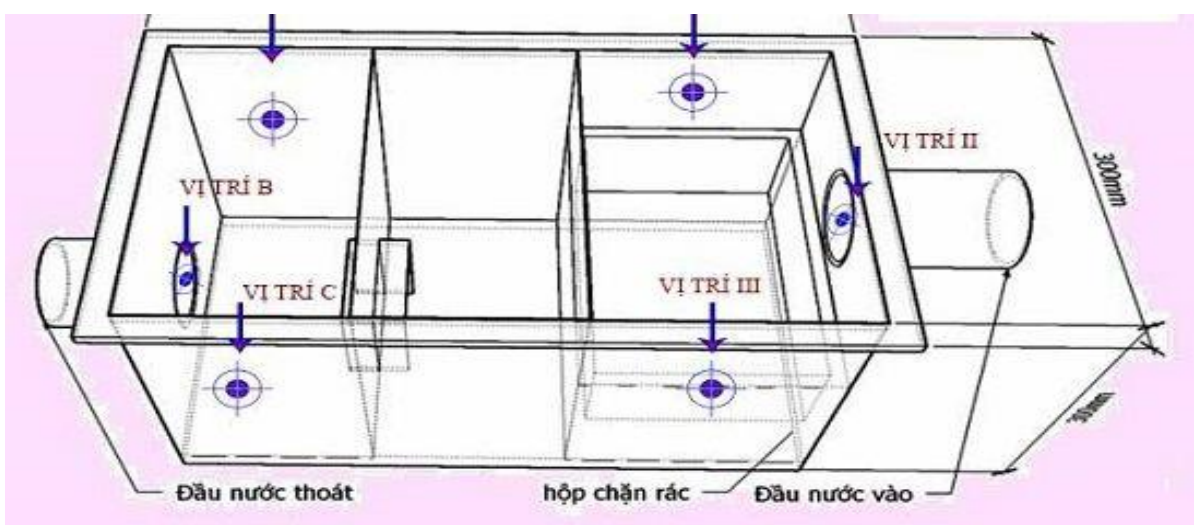
+ Cấu tạo và chức năng của bể tự hoại của khách sạn như sau: Bể 3 ngăn

Bể tự hoại 3 ngăn có nguyên lý hoạt động như sau: tại ngăn chứa, các vi sinh sẽ phân hủy các chất thải hữu cơ thành dạng bùn, còn lại những chất thải trôi nổi được chuyển sang ngăn lắng chờ phân hủy nốt. Sau đó qua ngăn lọc rồi dẫn vào

HTXLNT chung của khách sạn. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn bao gồm: 1 ngăn chứa, 1 ngăn lắng và 1 ngăn lọc. Bể tự hoại được xây bằng BTCT chìm dưới đất.



+ Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ:



Trong quá trình hoạt động, nấu ăn tại bếp ăn của khách sạn, thì dầu mỡ phát sinh sẽ dễ dàng gây ra tình trạng tắc nghẽn ảnh hưởng đến quá trình thu gom & xử lý nước thải của HTXLNT. Nguyên lý hoạt động chủ yếu dựa vào sự chênh lệch trọng lượng giữa dầu mỡ, nước và một số thành phần có trong nước thải. Và với thiết kế thông minh như trên có thể tách được mỡ, các chất rắn, chất thải được giữ lại trong thiết bị. Nước sạch được thoát ra ngoài để đưa đến hệ thống thu gom XLNT chung của khách sạn. Bể tách mỡ của khách sạn bể tách mỡ ba ngăn. Có cấu tạo như hình vẽ.

- Nước thải từ các nguồn trong khách sạn được thu gom vào hệ thống ống dẫn nước thải chảy về bể điều hòa. Tại đây có đặt song chắn rác nhằm loại bỏ rác có kích thước lớn ($d > 5\text{mm}$) ảnh hưởng đến hoạt động của máy bơm và hiệu suất xử lý của các công trình phía sau. Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tránh hiện tượng quá tải vào các giờ cao điểm, do đó giúp hệ thống xử lý làm việc ổn định đồng thời giảm kích thước các công trình đơn vị tiếp sau. Trong bể điều

hòa có bố trí hệ thống thổi khí. Tác dụng của hệ thống này là xáo trộn nước thải đồng thời cung cấp oxy nhằm giảm một phần BOD. Từ bể điều hòa nước thải nước thải tiếp tục được bơm vào bể hiếu khí aeroten.

Các ngăn xử lý hiếu khí (nhờ oxy cấp từ máy nén khí) với giá thể vi sinh ngập nước, sẽ tiếp tục xử lý các chất bẩn còn lại trong nước thải nhờ các vi sinh vật hiếu khí dính bám. Bùn - màng vi sinh vật bong ra sẽ được tách khỏi nước thải đã qua xử lý trong bể lắng đợt 2. Bùn hoạt tính từ bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí để đảm bảo nồng độ bùn hoạt tính trong bể hiếu khí. Nước thải từ bể lắng sẽ cho qua bể trung gian trước khi bơm vào bồn lọc áp lực để loại bỏ các cặn lơ lửng và chất ô nhiễm còn sót lại trước khi chảy ra môi trường. Tại đây, hóa chất khử trùng Cloramin đồng thời được châm vào bồn lọc áp lực để khử trùng nước thải. Nước thải sau khi xử lý được làm sạch đảm bảo tiêu chuẩn nguồn tiếp nhận QCVN 14: 2008/BTNMT, Cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Đối với bùn phát sinh trong hệ thống xử lý sẽ được bơm về bể nén bùn để ổn định trong ngăn chứa, phân huỷ bùn, sau đó được bơm đi tiếp tục xử lý, làm khô và/hoặc chôn ra bãi chôn lấp theo quy định. Dòng nước thải từ bể chứa bùn được thu gom theo đường ống chảy về bể hiếu khí.

Bảng 3.1: Các thông số kỹ thuật của trạm XLNT chung

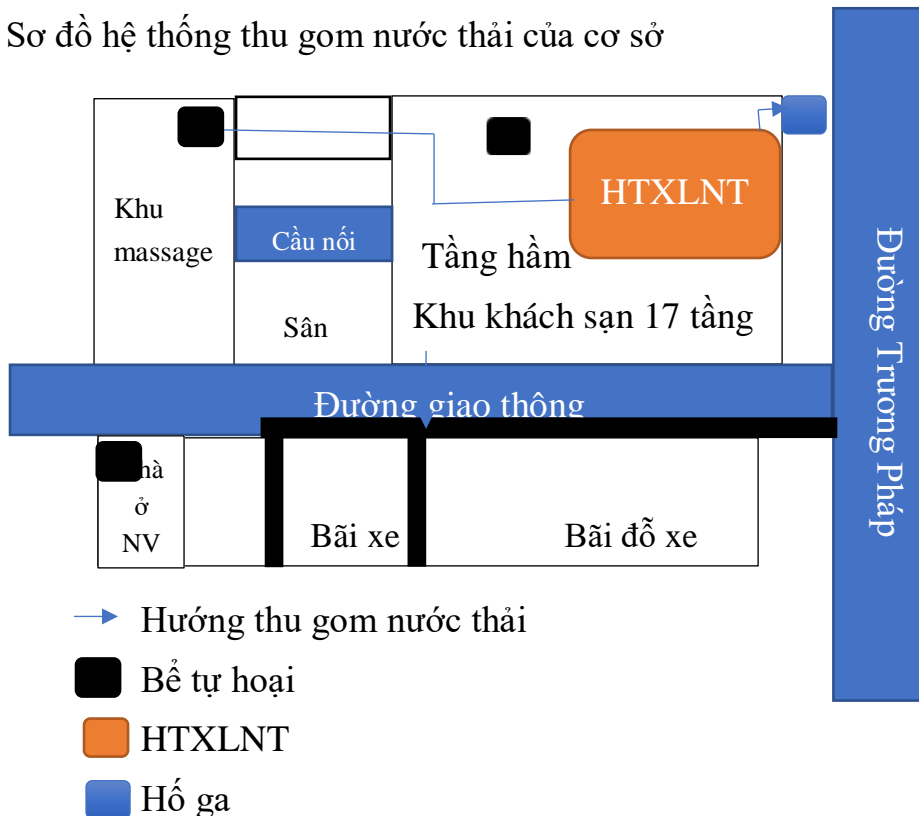
TT	Hạng mục	Kích thước (Dài * rộng * cao) m	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu (h)	Vật liệu
1	Bể điều hòa	5,9*1,5*1,7	15	4,7	BTCT
2	Bể aeroten	5,9*2,3*1,7 5,9*2,45*1,7	23 24,5	11	BTCT
3	Bể lắng	4,63*1,725*1,7	13,5	3,8	BTCT
4	Bể chứa trung gian	1,891*1,230*1,7	3,95		BTCT
5	Bồn lọc áp lực	H=2,2, Ø=1,0	1,72		Thép CT3 dày 3mm, sơn chống ăn mòn.
	Bể nén bùn	3,459*1,230*1,7	7,23	30 ngày	
7	Hố ga	hố:1000x1000			
8	Thoát nước mưa	Dài 93m			ống nhựa PVC-D200

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Khách sạn Vĩnh Hoàng

9	Đường ống đấu nối với hệ thống thoát nước đường Trương Pháp.	Dài 15m			ống nhựa PVC-D200
---	--	---------	--	--	-------------------

- Quy chuẩn đạt được: Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của cơ sở



1.4.3. Các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải của Khách sạn sử dụng các thiết bị sau:

Bảng 3.2: Các thiết bị sử dụng của hệ thống xử lý nước thải

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Bơm nước thải chìm bể điều hòa Q = 12m ³ /h	Cái	2	Đài Loan
2	Bơm nước thải ly tâm bể lọc áp lực Q = 6-24m ³ /h	Cái	2	Italia
2	Bơm bùn chìm bể lắng (Q = 12m ³ /h;	Cái	1	Đài Loan
3	Máy thổi khí đặt cạn (Q = 4-5m ³ /phút; h=3m)	Cái	2	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Khách sạn Vĩnh Hoàng

4	Bơm định lượng hóa chất (Q = 10lit/h;)	Cái	1	Mỹ
5	Bồn lọc áp lực D =1m, Cao 2,2m Thép dày3mm Sơn chống rỉ bên trong và bên ngoài	Cái	1	Việt Nam
6	Bơm chìm sự cố Q = 12m ³ /h	Cái	1	Đài Loan
7	Tủ điện điều khiển hệ thống: bao gồm chế độ vận hành tự động và nhân công, vỏ kim loại mạ cách điện	Bộ	1	Việt Nam

2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

+ Đối với những loại không trực tiếp tái sử dụng được thu gom bỏ vào thùng rác tại các phòng khách sạn, khu ẩm thực, nhà bếp, nhà vệ sinh... sau đó đưa ra tập kết tại 2 thùng rác trung chuyển đặt tại bãi đỗ xe, hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và phát triển đô thị Quảng Bình vận chuyển đưa đi xử lý.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Khách sạn Vĩnh Hoàng

- Rác thải sinh hoạt của nhân viên, khách hàng: Bố trí các thùng nhựa đựng rác (5, 10 lít) kích thước (dài*rộng*cao = 0,5m*0,5m*0,7m) tại các khu vực như: khu vực vệ sinh, ngoài hành lang các khu ẩm thực, các phòng nghỉ và các phòng chức năng khác.



+ Đối với chất thải tái chế được: thu gom các loại vỏ lon, vỏ chai bia, nước ngọt để bán cho các cơ sở thu mua phế liệu, tập kết tại chân cầu thang khu nhà ở của nhân viên.



- Thường xuyên quét dọn, tăng cường công tác vệ sinh chung để giảm thiểu bụi, giữ sạch cảnh quan môi trường trong toàn khu vực.

- Đối với thức ăn dư thừa từ nhà bếp: chủ dự án cho các hộ dân sống gần khách sạn thu gom về làm thức ăn chăn nuôi.

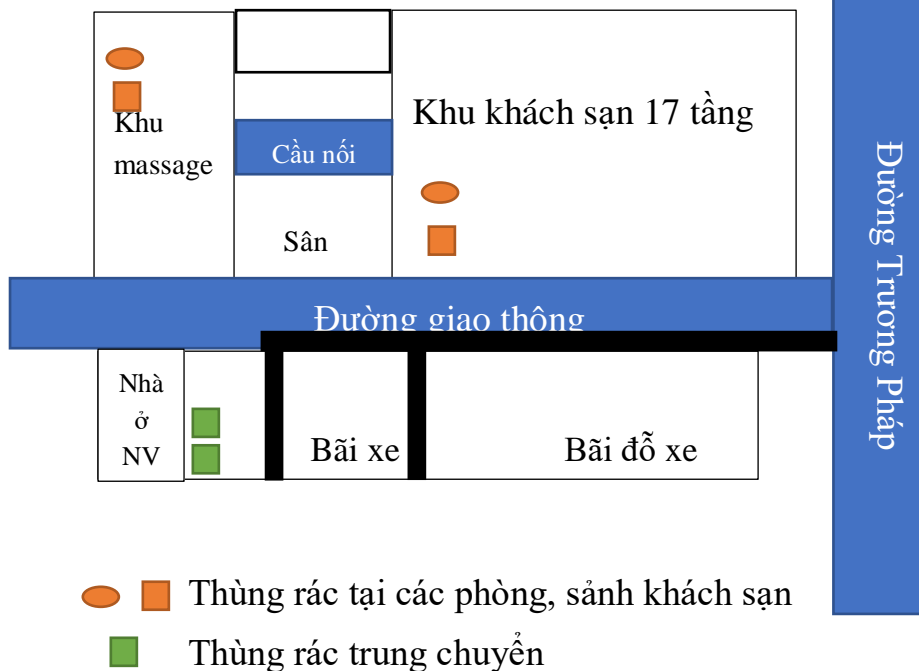
2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

* *Chất thải rắn nguy hại:*

Chất thải rắn nguy hại tại cơ sở chủ yếu là pin, các bóng đèn bị cháy một năm khoảng 2kg/năm được thu gom lại trong thùng kín loại 20 lít, có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại, lưu giữ tại phòng chứa chất thải nguy hại bố trí tại tầng 1 dãy nhà ở nhân viên, khu vực ít người qua lại. Sau đó thuê đơn vị đủ năng lực để tiến hành xử lý tránh phát tán ra môi trường xung quanh. Công tác thu gom, lưu giữ đảm bảo theo đúng thông tư 02/2022/BTNMT.



Sơ đồ hệ thống thu gom Chất thải rắn của cơ sở



3. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn trong khách sạn chủ yếu phát sinh từ các hoạt động sau:

- Hoạt động của máy phát điện trong trường hợp mất điện.
- Hoạt động của HTXLNT
- Hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại của khách đến sử dụng dịch vụ và lưu trú...

- Tiếng ồn phát sinh từ khu vực tiếp đón của khách sạn.

Nguồn gây ồn chủ yếu và đặc trưng nhất của khách sạn là nguồn phát ra từ 02 máy phát điện dự phòng đặt ở tầng bán hầm. Máy phát điện được thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng và máy phát điện chỉ sử dụng trong trường hợp khách sạn bị mất điện nên mức độ tác động có thể chấp nhận được.

Quy chuẩn áp dụng là QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn được áp dụng cho khu vực thông thường và khu vực đặc biệt.

4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Cơ sở đã được xây dựng, lắp đặt hệ thống công trình xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, đồng thời đề ra các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường xung quanh. Khách sạn đã đề ra các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố trong quá trình hoạt động như sau:

Để đảm bảo an toàn lao động và phòng chống các sự cố môi trường, cơ sở đã thực hiện một số vấn đề sau:

** Phòng chống cháy, nổ:*

- Trang bị các phương tiện phòng cháy như: hệ thống báo cháy, bình cứu hoả, xẻng, chăn chữa cháy, bể cát, bể nước, máy bơm. Các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy luôn ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động và được bố trí ở các vị trí hợp lý, luôn được đặt đúng nơi quy định, không sử dụng các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy vào các mục đích khác.

- Đặt các biển cảnh báo hoặc dấu hiệu cảnh báo chỉ dẫn những khu vực dễ xảy ra cháy nổ.

- Thường xuyên đào tạo, giáo dục kiến thức cho CBCNV về ngăn ngừa và xử lý cháy nổ. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tuyệt đối không để xảy ra sự cố. Nếu xảy ra sự cố phải được ứng cứu kịp thời.

** Đảm bảo an toàn điện:*

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống điện đúng quy chuẩn an toàn về điện.

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn về điện để tránh các hiện tượng chập, cháy điện.

** Hệ thống chống sét:*

- Lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ, có điện trở tiếp đất xung kích $R \leq 10\Omega$.

** Phòng chống sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm*

- Kiểm tra kỹ thực phẩm trước khi được sơ chế và chế biến.
- Thực phẩm phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn hạn sử dụng.
- Chế biến thực phẩm phải hợp vệ sinh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

** Đối với hệ thống XLNT:*

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố không vận hành được khách sạn sẽ tạm dừng vận hành để khắc phục, sửa chữa, đảm bảo không để nước thải xử lý không đạt quy chuẩn theo quy định thải ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước mặt sông Nhật Lệ.

Khi tiến hành sửa chữa máy móc, thiết bị sẽ tiến hành kiểm tra kỹ mức độ an toàn trước khi cho công nhân sửa chữa, tránh hiện tượng bị ngạt khí.

Chủ Dự án cam kết sẽ khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất, tùy thuộc vào mức độ của sự cố). Đồng thời, chủ Dự án sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm, bồi thường, khắc phục nếu để sự cố gây ô nhiễm môi trường tiếp nhận.

Đồng thời thực hiện các biện pháp để đảm bảo:

- + Hệ thống xử lý được vận hành đảm bảo theo đúng quy trình.
- + Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- + Giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.
- + Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.
- + Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để tránh hiện tượng tắc nghẽn, vận hành theo đúng quy trình. Đặc biệt khi gặp sự cố sẽ báo cáo với các đơn vị có liên quan để xử lý kịp thời.

4. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của cơ sở

Bảng 3.3: Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Khách sạn Vĩnh Hoàng

TT	Tên công trình	Phương án đề xuất trong ĐTM	Phương án điều chỉnh thay đổi đã thực hiện
1	Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Khách sạn	* Nước mưa chảy tràn Khách sạn chỉ đề cập nước mưa tầng hầm và bố trí bơm thoát nước cho tầng hầm theo bản vẽ PL002	<p>* Nước mưa chảy tràn của khách sạn</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thoát nước mưa mái bằng hệ thống ống nhựa PVC D90. - Thoát nước cho tầng hầm theo bản vẽ PL002 <p>* Nước mưa chảy tràn khu massage</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thoát nước mưa mái bằng hệ thống ống nhựa PVC D90 - Nước mưa chảy tràn ra sân bãi đỗ xe sau đó được thu gom bằng mương dẫn kích thước rộng*dài*cao = 0,3m*0,4m * 0,5m bố trí ngầm tại bãi đỗ xe của khách sạn <p>* Nước mưa chảy tràn tại khu nhà ở nhân viên và bãi đỗ xe của khách sạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thoát nước mưa mái bằng hệ thống ống nhựa PVC D90 - Nước mưa chảy tràn ra sân bãi đỗ xe sau đó được thu gom bằng mương dẫn kích thước rộng*dài*cao = 0,3m*0,4m * 0,5m bố trí ngầm tại bãi đỗ xe của khách sạn
2	Biện pháp quản lý chất thải rắn, Chất	Chất thải rắn thông thường	
		<p>+ Lượng thải của khách sạn 162,4kg/ngày.</p> <p>+ Lượng thải của khu massage 2-4kg 1 ngày</p>	Do dự án thay đổi với ĐTM về số tầng khách sạn, số lượng phòng tăng thêm và thêm khu massage nên khối lượng và cách bố trí thu gom có thay đổi.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Khách sạn Vĩnh Hoàng

	thải nguy hại	Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị vận chuyển đi xử lý	+ Lượng thải của cả khu khách sạn, khu massage và khu nhà ở cho cán bộ nhân viên tối đa ngày đông khách khoảng 100kg 1 ngày, trung bình 20-25kg/1 ngày, những ngày mùa du lịch vắng khách trung bình 5kg/1 ngày. Hợp đồng với Công ty TNHH MTV MT &PT đô thị Quảng Bình vận chuyển đi xử lý.
	Chất thải Nguy hại		
		Chất thải Nguy hại. khối lượng ít, thu gom ở tầng hầm khách sạn	Chất thải Nguy hại được thu gom ở kho chứa CTNH bố trí ở tầng 1 khu nhà ở cán bộ nhân viên của khách sạn
3	HTXLNT	<p>Công suất HTXLNT của cơ sở có 100m³/ngày xử lý nước thải cho khu khách sạn.</p> <p>- Kích thước các bể</p> <p>+ Bể điều hòa thể tích 19,8m³</p> <p>+ Bể aeroten 48,6 m³</p> <p>+ Bể lắng 16,2 m³</p> <p>+ Bể chứa trung gian 4,5 m³</p> <p>+ Bồn lọc áp lực 4,5 m³</p> <p>+ Bể nén bùn 8 m³</p> <p>- Các thiết bị sử dụng của HTXLNT</p> <p>+ Bơm nước thải (Q = 2-3 m³/h; 0.37KW/220V/50Hz). Xuất xứ Nhật Bản</p> <p>+ Bơm hút bùn (Q = 10m³/h; 1KW/220V/50Hz. Xuất xứ USA</p> <p>+ Máy thổi khí (Q = 250lit/phút). Xuất xứ Nhật Bản</p>	<p>Công suất HTXLNT của cơ sở có 100m³/ngày xử lý nước thải cho khu khách sạn + khu massage.</p> <p>- Kích thước các bể thay đổi như sau:</p> <p>+ Bể điều hòa thể tích 15m³</p> <p>+ Bể aeroten 47,5 m³</p> <p>+ Bể lắng 13, 5m³</p> <p>+ Bể chứa trung gian 3,95 m³</p> <p>+ Bồn lọc áp lực 1,72 m³</p> <p>+ Bể nén bùn 7,23 m³</p> <p>- Các thiết bị sử dụng của HTXLNT</p> <p>+ Bơm nước thải chìm bể điều hòa Q = 12m³/h. Xuất xứ Đài Loan</p> <p>+ Bơm nước thải ly tâm bể lọc áp lực Q = 6-24m³/h. Xuất xứ Italia</p> <p>+ Bơm bùn chìm bể lắng (Q = 12m³/h; Xuất xứ Đài Loan</p> <p>+ Máy thổi khí đặt cạn (Q = 4-5m³/phút; h=3m). Xuất xứ Đài Loan</p>

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Khách sạn Vĩnh Hoàng

		<p>+ Bơm định lượng hóa chất (Q = 5-8lit/h). Xuất xứ USA</p> <p>+ Bồn lọc áp lực</p> <p>D =1.5m, Cao 2,5m</p> <p>+ Tủ điện điều khiển tự động , hệ thống dây điện đấu nối thiết bị, phao tín hiệu...</p>	<p>+ Bơm định lượng hóa chất (Q = 10lit/h;) Xuất xứ Mỹ</p> <p>+ Bồn lọc áp lực, Xuất xứ Việt Nam</p> <p>D =1m, Cao 2,2m</p> <p>Thép dày3mm</p> <p>Sơn chống rỉ bên trong và bên ngoài</p> <p>+ Bơm chìm sự cố Q = 12m³/h. Xuất xứ Đài Loan</p> <p>+ Tủ điện điều khiển hệ thống: bao gồm chế độ vận hành tự động và nhân công, vỏ kim loại mạ cách điện. Xuất xứ Việt Nam</p>
--	--	---	---

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 01: Nước thải khách sạn.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 100m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: Nước thải Khách sạn Vĩnh Hoàng sau khi đã qua hệ thống xử lý nước thải.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:
 - Tần suất quan trắc: 4 đợt/năm
 - Vị trí quan trắc: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
 - Số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu

Bảng 4.1. Danh mục thông số quan trắc nước thải

TT	Nước thải	Theo QCVN
1	pH	QCVN 14:2008/BTNMT <i>- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt – Cột B (khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt)</i> (K = 1)
2	BOD ₅ , 20°C	
3	COD	
4	Tổng photpho	
5	Clorua	
6	Amoni (tính theo N)	
7	Dầu, mỡ khoáng	

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả nước thải: tại hố ga gần sảnh ra vào của khách sạn có tọa độ 106°38'41,4" ; 17°28'15,1"
 - + Phương thức xả thải: tự chảy
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Nhật Lệ

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

1.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2020:

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý năm 2020

TT	<u>Thông số quan trắc</u>	Đơn vị đo	Kí hiệu vị trí quan trắc				QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH		7,89	6,58	7,9	7,15	6-9
2	BOD ₅ , 20 ⁰ C	mg/l	34	62	47	42	≤50
3	COD	mg/l	53	99	124	95	-
4	Tổng photpho	mg/l	0,21	0,25	0,6	0,52	-
5	Clorua	mg/l	29,8	31,5	38,8	32,1	-
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	2	2	5	4	≤ 10
7	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	≤ 20

1.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2021:

Thời gian quan trắc năm 2021: Đợt 1: 17/3/2021 – Đợt 2: Không tiến hành quan trắc (do tình hình dịch bệnh Covid -19 phức tạp, lượng khách du lịch không có, khách sạn tạm nghỉ phòng chống dịch, nguồn nước thải phát sinh tại cơ sở hầu như không có nên không tiến hành quan trắc lấy mẫu) - Đợt 3: 07/10/2021 – Đợt 4: 22/11/2021

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý năm 2021

TT	<u>Thông số quan trắc</u>	Đơn vị	Kí hiệu vị trí quan trắc				QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	6,47	-	7,11	7,73	6-9

2	BOD ₅ , 20 ⁰ C	mg/l	48	-	19	39	≤ 50
3	COD	mg/l	120	-	31	74,9	-
4	Tổng photpho	mg/l	2,77	-	1,65	0,5	-
5	Clorua	mg/l	28,5	-	24,7	23,1	-
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	2	-	2,63	0,14	≤ 10
7	Dầu, mỡ	mg/l	<0,3	-	<0,3	<0,3	≤ 20

- Vị trí quan trắc: T: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải

- Số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

2.1. Kết quả quan trắc môi trường không khí định kỳ năm 2020:

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc không khí năm 2020

TT	Kí hiệu vị trí quan trắc	Kí hiệu mẫu	Thông số quan trắc					
			Nhiệt độ (°C)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	Bụi (mg/m ³)	
1	K	K ₁	Đợt 2	35	3,321	0,055	0,08	0,06
			Đợt 4	23	<3	0,038	0,05	0,06
K ₂		Đợt 2	36	<3	0,036	0,05	0,06	
		Đợt 4	22	<3	0,019	0,05	0,05	
K ₃		Đợt 2	37	3,3	0,054	0,08	0,07	
		Đợt 4	22	<3	0,038	0,08	0,06	
K ₄		Đợt 2	37	<3	0,036	0,05	0,05	
		Đợt 4	22	<3	0,038	0,05	0,05	
QCVN 05 : 2015/BTNMT (Trung bình 1 giờ)			-	≤ 30	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 0,3	

2.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí định kỳ năm 2021:

Bảng 5.4: Kết quả quan trắc không khí năm 2021

STT	Kí hiệu điểm quan trắc	Kí hiệu mẫu	Kết quả			
			Bụi (µg/m ³)	CO (µg/m ³)	SO ₂ (µg/m ³)	NO ₂ (µg/m ³)
1	K	K ₁	91	<3.000	<20	10,9

2		K₂	85	<3.000	<20	9,2
3		K₃	96	<3.000	<20	10
4		K₄	79	<3.000	<20	8,4
QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)			≤ 300	≤ 30.000	≤ 350	≤ 200

- Vị trí quan trắc:

+ K1: Khu vực phía Nam khách sạn, giáp trạm xá và điều dưỡng bộ đội biên phòng tỉnh;

+ K2: Khu vực phía Bắc khách sạn, giáp nhà bà Nguyễn Thị Thúy Kiều;

+ K3: Khu vực phía Đông khách sạn, giáp đường Trương Pháp;

+ K4: Khu vực phía Tây khách sạn, giáp nhà ông Đào Xuân Nghĩa;

- Số lượng mẫu quan trắc: 04 mẫu

3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn.

3.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn năm 2020:

Bảng 5.5: Kết quả quan trắc tiếng ồn năm 2020

TT	Kí hiệu vị trí quan trắc		Kết quả quan trắc	Đơn vị đo	QCVN 26:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn)
1	TO1	Đợt 2	62,4	dBA	≤ 70
		Đợt 4	64,7		
2	TO2	Đợt 2	61,8		≤ 70
		Đợt 4	66,5		
3	TO3	Đợt 2	68,2		≤ 70
		Đợt 4	68,3		
4	TO4	Đợt 2	63,5		≤ 70
		Đợt 4	62,4		

3.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn năm 2021:

Bảng 5.6: Kết quả quan trắc tiếng ồn năm 2021

TT	Kí hiệu vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc	Đơn vị đo	QCVN 26:2010/BTNMT
1	TO1	63,5	dBA	≤ 70
2	TO2	62,8		≤ 70
3	TO3	65,2		≤ 70
4	TO4	61,6		≤ 70

- Vị trí quan trắc và số lượng mẫu quan trắc: 04

+ TO1: Khu vực phía Nam khách sạn, giáp trạm xá và điều dưỡng bộ đội biên phòng tỉnh;

+ TO2: Khu vực phía Bắc khách sạn, giáp nhà bà Nguyễn Thị Thúy Kiều;

+ TO3: Khu vực phía Đông khách sạn, giáp đường Trương Pháp;

+ TO4: Khu vực phía Tây khách sạn, giáp nhà ông Đào Xuân Nghĩa;

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Kế hoạch quan trắc nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm sẽ lấy mẫu 5 lần, mỗi lần cách nhau 15 ngày. Do HTXLNT của Khách sạn là hợp khối nên không lấy mẫu qua từng công đoạn được nên chỉ lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra của HTXLNT.

- Lấy mẫu lần 1 : Ngày 01 tháng 7 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý; Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 2 : Ngày 16 tháng 7 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý; Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 3 : Ngày 04 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý; Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 4: Ngày 15 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý; Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 5 : Ngày 30 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý; Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Công suất dự kiến đạt được của cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm là 100m³/ngày.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Kế hoạch quan trắc nước thải trong giai đoạn vận hành ổn định sẽ lấy mẫu 7 lần, mỗi lần cách nhau 1 ngày

- Lấy mẫu lần 1 : Ngày 5 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý;

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 2 : Ngày 6 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý;

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 3 : Ngày 7 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý;

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 4 : Ngày 8 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý;

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 5 : Ngày 9 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý;

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 6 : Ngày 10 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý;

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 7 : Ngày 11 tháng 8 năm 2022

+ Vị trí lấy :

Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý;

+ Chỉ tiêu phân tích pH, BOD₅, COD, Tổng photpho, Clorua, Amoni, dầu mỡ.

+ Thời gian: 8g sáng.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

- Địa chỉ: 64 Thanh Niên, phường Đồng Hải, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Chương trình quan trắc chất thải và định kỳ theo quy định của pháp luật.

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

*** Nước thải sinh hoạt.**

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: Quý 1 hàng năm

+ Đợt 2: Quý 2 hàng năm

+ Đợt 3: Quý 3 hàng năm

+ Đợt 4: Quý 4 hàng năm

- Tần suất quan trắc: 04 đợt/năm.

- Số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu đầu vào và 01 mẫu đầu ra hệ thống xử lý.

- Vị trí quan trắc:

Thống kê vị trí quan trắc nước thải sinh hoạt

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả vị trí quan trắc
			Kinh độ	Vĩ độ	
1	Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	Quý 1			Đầu vào của hệ thống XLNT
		Quý 2			
		Quý 3			
		Quý 4			
2	Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	Quý 1	106°38'41,4"	17°28'15,1"	Đầu ra của hệ thống XLNT
		Quý 2			
		Quý 3			
		Quý 4			

- Thông số quan trắc:

Bảng: Danh mục thông số quan trắc nước thải

TT	Nước thải	Theo QCVN
1	pH	QCVN 14:2008/BTNMT <i>- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt – Cột B (khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt)</i> (K = 1)
2	BOD ₅ , 20°C	
3	COD	
4	Tổng photpho	
5	Clorua	
6	Amoni (tính theo N)	
7	Dầu, mỡ khoáng	

- **Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.**

Trích từ kinh phí hoạt động hàng năm của Khách sạn, kinh phí theo quy định của Nhà nước.

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm 2020 và 2021 do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trên địa bàn toàn tỉnh nói riêng và trên thế giới nói chung nên không có hoạt động kiểm tra, thanh tra về Bảo vệ môi trường đối với Khách sạn .

Chương VIII **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vĩnh Hoàng cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

+ Các tiêu chuẩn, quy chuẩn nhà nước Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.

- Cam kết thực hiện đúng đầy đủ các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Khách sạn Vĩnh Hoàng.

- Cam kết thực hiện tốt các biện pháp nhằm ngăn ngừa giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ dự án được phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường) và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có).